

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày 22-3-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phước.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm Sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N;

Địa chỉ: Số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Vạn Nguyên - Chức vụ: Phó phòng khách hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh S; Địa chỉ: đường T, khóm E, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng – là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08/3/2022. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị H; sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 23 tháng 11 năm 2021, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N trình bày:

Ngày 20/8/2018, bà Trần Thị H có vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N Chi nhánh S với số tiền là: 20.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 0478/18/HĐTD/ST/TN1 ngày 20/8/2018, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay, lãi suất trong hạn 12%/năm; Lãi suất quá hạn: 150%, lãi suất trong hạn; Mục đích vay vốn: tiêu dùng hợp pháp; Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc mỗi tháng 560.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng, trả lãi vào ngày 06 hàng tháng.

Trong quá trình vay vốn kể từ ngày 20/8/2018 đến ngày khởi kiện, bà Trần Thị H đã trả vốn vay số tiền 16.853.980 đồng, số tiền còn lại tạm tính đến ngày 22/3/2022 là: 3.628.965 đồng (trong đó, tiền vốn: 3.146.020 đồng; lãi trong hạn: 348.814 đồng; lãi quá hạn 134.131 đồng).

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Trần Thị H trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/3/2022 là: 3.628.965 đồng (trong đó, tiền vốn: 3.146.020 đồng; lãi trong hạn: 348.814 đồng; lãi quá hạn 134.131 đồng).

Buộc bà Trần Thị H thanh toán toàn bộ các khoản lãi quá hạn, phí phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên, kể từ ngày tuyên án cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Ngân hàng đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: bản sao có chứng thực, Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 0478/18/HĐTD/ST/TN1 ngày 20/8/2018; Giấy nhận nợ số 01 ngày 20/8/2018, Kế hoạch trả nợ lập ngày 20/8/2018 của bà Trần Thị H.

Đối với bị đơn bà Trần Thị H, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà Huệ không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn bà Trần Thị H không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị H thanh toán số tiền vốn và lãi vay còn nợ là 3.628.965 đồng, theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 0478/18/HĐTD/ST/TN1 ngày 20/8/2018. Cũng theo khoản 12.1 Điều 12 của Hợp đồng tín dụng thì các bên thỏa thuận Tòa án giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh S có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2]. **Tại phiên tòa sơ thẩm** bị đơn bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N về việc yêu cầu bà Trần Thị H trả số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 22-3-2022 là 3.628.965 đồng (trong đó, tiền vốn: 3.146.020 đồng; lãi trong hạn: 348.814 đồng; lãi quá hạn 134.131 đồng), thấy rằng:

[3.1]. Theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 0478/18/HĐTD/ST/TN1 ngày 20/8/2018, thì Ngân hàng cho bà Trần Thị H vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay, lãi suất trong hạn 12%/năm; Lãi suất quá hạn: 150%, lãi suất trong hạn; Mục đích vay vốn: tiêu dùng hợp pháp; Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc mỗi tháng 560.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng, trả lãi vào ngày 06 hàng tháng. Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã cung cấp cho Tòa án bản sao có chứng thực, Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 0478/18/HĐTD/ST/TN1 ngày 20/8/2018; Giấy nhận nợ số 01 ngày 20/8/2018, Kế hoạch trả nợ lập ngày 20/8/2018 của bà Trần Thị H. Theo hợp đồng và các chứng từ mà Ngân hàng cung cấp có chữ ký và chữ viết tên của bà Trần Thị H, đồng thời sau khi ký hợp đồng bà Huệ đã trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 16.853.980 đồng. Tòa án đã thông báo cho bà Trần Thị H biết các tài liệu chứng cứ trên nhưng bà Huệ không có ý kiến phản đối căn cứ khoản 2 Điều 92 Hội Đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3.2]. Về tính hợp pháp của Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 0478/18/HĐTD/ST/TN1 ngày 20/8/2018: Ngân hàng Thương mại cổ phần N ủy quyền cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh S ký kết hợp đồng tín dụng với bà Trần Thị H. Các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng.

[3.3]. Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã giải ngân cho bà Trần Thị H nhận đủ số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng, nhưng đến nay đã hết thời hạn vay theo Hợp đồng mà bà Huệ mới trả cho ngân hàng được số tiền vốn vay là 16.853.980 đồng, còn nợ lại số tiền 3.146.020 đồng, là vi phạm Điều 7 của Hợp đồng tín dụng và Kế hoạch trả nợ mà hai bên đã ký kết. Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần N yêu cầu bà Trần Thị H trả lại số tiền vốn vay còn nợ là 3.146.020 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Trần Thị H trả số tiền lãi tính đến ngày 22/3/2022 là 482.945 đồng (trong đó, lãi trong hạn: 348.814 đồng; lãi quá hạn 134.131 đồng). Tại Điều 5 của hợp đồng tín dụng thì các bên thỏa thuận lãi suất cho vay lãi suất trong hạn 12%/năm; Lãi suất quá hạn: 150%, lãi suất trong hạn. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và số tiền lãi nêu trên ngân hàng đã tính đúng. Sau khi vay, bà Huệ đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu bà Huệ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 22/3/2022 là 482.945 đồng (trong đó, lãi trong hạn: 348.814 đồng; lãi quá hạn 134.131 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, tính đến hết ngày 22/3/2022 tổng số tiền vốn và lãi mà bà Trần Thị H có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N là 3.628.965 đồng (trong đó, tiền vốn: 3.146.020 đồng; lãi trong hạn: 348.814 đồng; lãi quá hạn 134.131 đồng).

[3.5]. Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 23/3/2022 cho đến khi bà Huệ trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Bị đơn bà Trần Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N:

- Buộc bà Trần Thị H trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền vốn và lãi tính đến hết ngày 22/3/2022 là 3.628.965 đồng (trong đó, tiền vốn: 3.146.020 đồng; lãi trong hạn: 348.814 đồng; lãi quá hạn 134.131 đồng).

- Kể từ ngày 23/3/2022 bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn vay chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 0478/18/HĐTD/ST/TN1 ngày 20/8/2018 cho đến khi thanh toán xong tiền vốn vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000161 ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Uyên